



Vài ý kiến đóng góp công tác giáo dục tăng, ni trong giai đoạn mới

ISSN: 2734-9195

10:10 01/06/2025

Việc hành trì cần đặt lên trên việc phô diễn. Việc học pháp cần đi đôi với thực tập vô ngã.

Tác giả: **Ncs.Thích Bảo Giác**

Học viện Phật giáo Việt Nam tại Hà Nội

Mở đầu

Phật giáo Việt Nam là một dòng chảy tư tưởng vừa thấm đẫm truyền thống tâm linh phương Đông, vừa có khả năng thích ứng và hội nhập trong những giai đoạn trọng yếu của lịch sử dân tộc.

Từ buổi đầu du nhập đến thời Lý-Trần, Phật giáo đã khẳng định được vai trò then chốt của mình trong việc kiến tạo văn hóa, chính trị và đạo đức xã hội.

Lịch sử Phật giáo không chỉ là lịch sử của huy hoàng và hưng thịnh, mà còn là lịch sử của những đoạn trầm lắng, những giai đoạn thử thách, đôi khi tưởng chừng như tàn lụi. Pháp nạn – một thuật ngữ quen thuộc trong nội điển và sử học Phật giáo – thường dùng để chỉ những thời kỳ mà Phật pháp bị bức hại, xuyên tạc hoặc thoái hóa.

Tuy nhiên, từ một cái nhìn trí tuệ, pháp nạn không hẳn là điều tiêu cực tuyệt đối, mà còn có thể trở thành tấm gương phản chiếu sự thật của một cộng đồng tu học đang lạc hướng, từ đó mở ra nhu cầu cấp thiết về chấn hưng – tức là thiết lập lại Phật giáo từ gốc rễ tâm linh, giới luật và hành trì.

Trong lịch sử cận – hiện đại Việt Nam, giai đoạn chấn hưng Phật giáo từ thập niên 1930 trở đi chính là hệ quả tất yếu sau những cơn khủng hoảng dài về tổ chức, học thuật và đạo đức tăng đoàn. Đó là hồi chuông cảnh tỉnh để Phật giáo tự soi chiếu lại mình. Và chính tinh thần chấn hưng ấy vẫn còn vang vọng cho đến ngày nay, khi tăng ni trẻ phải đối mặt với một thời đại đầy cơ hội nhưng cũng không ít cạm bẫy. Việc nhìn lại pháp nạn để hiểu rõ vai trò của chấn hưng

không chỉ là nhu cầu lịch sử, mà còn là bài học thời sự cho từng hành giả đang tìm kiếm con đường tu tập chân chính giữa dòng đời đầy biến động.

Phật giáo thời Lý - Trần: Hình mẫu quốc đạo và nền tảng hộ quốc an dân

Việc Phật giáo được xem là quốc đạo dưới các triều đại Lý và Trần không đơn thuần là kết quả của sự sùng kính cá nhân từ phía hoàng đế, mà là hệ quả của một quá trình hội tụ nhiều yếu tố lịch sử, văn hóa và tinh thần dân tộc.

Khi nhà Lý dựng nước trong bối cảnh xã hội Đại Cổ Việt đang tìm kiếm một mô hình cai trị có tính ổn định lâu dài, Phật giáo đã sẵn có một nền tảng tư tưởng nhập thế, khoan hòa và thấm nhuần tinh thần từ bi - trí tuệ, vốn phù hợp với truyền thống dân gian cũng như tư tưởng chính trị quốc gia non trẻ. Từ đó, Phật giáo không chỉ là tôn giáo tu tập cá nhân mà trở thành “*quốc học*” - hệ tư tưởng định hướng cho toàn xã hội.

Dưới triều Lý, các vị vua như Lý Thái Tổ và Lý Thánh Tông đều là những tín đồ thuần thành, đồng thời là người tổ chức chính sự dựa trên lý tưởng nhân từ và vô ngã. Chùa chiền được xây dựng khắp nơi, không chỉ là nơi hành đạo mà còn là trung tâm giáo dục, y tế và văn hóa cộng đồng.

Sang thời Trần, tinh thần nhập thế của Phật giáo được nâng cao hơn nữa qua hành trạng của các vị vua vừa làm chính trị vừa tu thiền, như Trần Thái Tông với tác phẩm Khóa Hư Lục, hay Trần Nhân Tông, người sáng lập Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử, biểu tượng của sự kết hợp giữa trị quốc và tu thân, giữa phụng sự và giải thoát.

Việc một tôn giáo giữ vai trò quốc đạo không làm giảm đi bản chất giải thoát của Phật giáo, trái lại, còn khẳng định khả năng tương thích giữa giáo lý và thực tiễn xã hội. Phật giáo thời Lý - Trần trở thành lực lượng hộ quốc không chỉ vì có hoàng đế hộ trì mà còn vì giáo lý Phật đà đã đi vào đời sống, giúp con người vượt qua khổ đau chiến tranh, cải thiện đạo đức và kiến tạo một xã hội an hòa. Chính nhờ đó, Phật giáo thời kỳ này đạt đến đỉnh cao của uy tín, học thuật và ảnh hưởng, trở thành mẫu hình lý tưởng cho các thời đại sau noi theo.



Hình ảnh minh họa (sưu tầm).

Pháp nạn và những cảnh báo nội tại

Lịch sử Phật giáo Việt Nam không thiếu những giai đoạn pháp nạn, khi Phật pháp bị suy yếu, đàn áp hoặc thậm chí bị hiểu lầm và bài xích. Những giai đoạn như thời kỳ Bắc thuộc sau triều Hồ, hoặc sự khủng hoảng tôn giáo thời Pháp thuộc, đều cho thấy rõ sự tương tác giữa nội lực và ngoại lực trong việc duy trì sự trường tồn của giáo pháp.

Tuy nhiên, điều cần nhận diện sâu sắc hơn cả, là pháp nạn không luôn đến từ sự đối đầu bên ngoài, mà phần lớn nảy sinh từ chính nội bộ Tăng đoàn và sự suy thoái tâm linh từ bên trong.

Khái niệm “*pháp nạn*” không chỉ hiểu như một biến cố bên ngoài – như chính quyền đàn áp, chiến tranh hủy diệt hay ngoại đạo xâm nhập – mà cần được tiếp cận như một khủng hoảng từ bên trong. Lịch sử cho thấy, các giai đoạn suy tàn của Phật giáo thường đi kèm với sự suy yếu của ba yếu tố cốt lõi: giới luật, chính pháp, và nội lực tăng đoàn.

Khi giới luật bị xem nhẹ, đời sống phạm hạnh bị buông lỏng, thì đạo không còn là đạo; khi chính pháp bị lãng quên, biến thành hình thức nghi lễ hay huyễn ngôn, thì đạo mất phương hướng; khi tăng đoàn mất đi sự hòa hợp và lý tưởng chung, thì tín tâm của Phật tử cũng tan rã theo.

Một trong những nguyên nhân cốt lõi của pháp nạn là sự buông lỏng giới luật. Khi đời sống phạm hạnh không còn là cốt lõi, mà bị thay thế bởi hình thức, sự phô trương, hay chạy theo quyền lực thì uy tín của Phật giáo suy giảm nghiêm trọng. Một nguyên nhân khác là sự tách rời giữa giáo lý và thực tiễn đời sống. Khi Phật giáo trở nên xa rời dân sinh, đóng khung trong tập tục mê tín hoặc các luận thuyết trừu tượng thiếu thực tế, thì người dân không còn thấy nơi đó điểm tựa tinh thần trong những khổ đau đời thường.

Thời kỳ đầu thế kỷ XX ở Việt Nam là minh chứng điển hình cho một pháp nạn âm thầm nhưng sâu sắc. Sau nhiều thế kỷ bị đặt dưới ách nô dịch văn hóa, Phật giáo Việt Nam trở nên rời rạc, tản mác và thiếu sức sống. Tăng sĩ đa phần không được đào tạo bài bản, giáo lý bị bó hẹp trong nghi lễ, truyền thống tu học thiếu hệ thống, trong khi xã hội đã thay đổi quá nhanh với sự du nhập của các tôn giáo có hệ thống tổ chức mạnh như Thiên Chúa giáo, cùng với chủ nghĩa duy lý phương Tây.

Trong hoàn cảnh ấy, Phật giáo dường như mất tiếng nói trong đời sống tinh thần dân tộc, và nguy cơ “*vong pháp*” trở thành một hiện thực đáng báo động.

Phong trào chấn hưng: xây dựng Phật giáo từ tâm người tu sĩ

Chính vì thế, phong trào chấn hưng Phật giáo – khởi đầu từ những năm 1920-1930 ở Trung Kỳ và sau đó lan ra Bắc – không đơn thuần là một nỗ lực tổ chức, mà là một cuộc trở về nội tâm toàn diện của cộng đồng Phật giáo. Các bậc cao Tăng như Hòa thượng Khánh Hòa, Thiện Chiếu, Giác Tiên, Trí Hải, Trí Quang, v.v. đã không chỉ lập hội, mở trường, in kinh, mà còn nỗ lực tu tập, giảng pháp, dịch thuật, viết báo để khôi phục lại chính khí đạo mạch. Họ hiểu rằng, nếu không tái thiết từ bên trong, không có phong trào chấn hưng tâm linh đi song song với cải cách hình thức, thì mọi nỗ lực vẫn chỉ là chấp vá.

Một trong những thành quả quan trọng nhất của phong trào chấn hưng là xây dựng hệ thống giáo dục Phật học quy củ, đào tạo được những thế hệ tăng ni có “*hành giải tương ưng*”, biết vận dụng Phật pháp vào đời sống và xã hội. Từ đó, một Phật giáo Việt Nam hiện đại đã được định hình – không tách rời dân tộc, không chạy theo quyền lực, mà trở về với cốt lõi giải thoát, nhập thế, và khai mở trí tuệ.

Tinh thần ấy là nền móng cho sự hình thành các tổ chức Giáo hội về sau, đặc biệt là Giáo hội Phật giáo Việt Nam thống nhất và hiện nay là Giáo hội Phật giáo Việt Nam.



Hình ảnh minh họa (sưu tầm).

Pháp nạn như tấm gương tự quán: Bài học cho tăng, ni trong thời đại mới

Tăng, ni trẻ hôm nay cần học cách nhìn lại các giai đoạn pháp nạn như một tấm gương lớn, trong đó phản chiếu không chỉ lỗi lầm của một thời kỳ lịch sử, mà cả nguy cơ đang tiềm ẩn trong hiện tại.

Trong thời đại truyền thông số, mạng xã hội và chủ nghĩa tiêu thụ lên ngôi, người xuất gia rất dễ bị cuốn vào các diễn ngôn về “*thương hiệu cá nhân*”, “*tăng sĩ online*” hay “*Phật giáo truyền thông*”, “*bảo vệ chính pháp*” mà quên mất nền tảng của tu học là thiền định, giới luật và tâm Bồ đề.

Bài học lớn nhất từ pháp nạn chính là: sự thoái hóa nội tâm dẫn đến pháp nạn xã hội. Một người tu nếu không thường xuyên quán chiếu, dễ lạc vào tà kiến mà tưởng mình đúng; nếu không được dạy dỗ bằng nội điển, dễ bị cuốn theo ngôn ngữ truyền thông mà không còn biết im lặng tĩnh thức. Do vậy, các trường Phật học cần song hành chỉ dạy kinh điển và rèn luyện năng lực phản tỉnh, thói quen tự quán và sự khiêm hạ trước pháp, tránh những tư duy lệch lạc, phân biệt, giữa các tông phái như câu chuyện “*người mù sờ voi*” trong tổng thể hệ thống giáo pháp của Phật.

Việc hành trì cần đặt lên trên việc phô diễn. Việc học pháp cần đi đôi với thực tập vô ngã.

Bên cạnh đó, cũng không thể phủ nhận rằng truyền thông – nếu được sử dụng đúng cách – có thể trở thành phương tiện thiện xảo để hoằng pháp trong thời

đại mới. Nhưng nếu truyền thông không đi cùng với hành trì giới luật, thì không khác gì gió lớn cuốn bụi bay. Vì vậy, các cơ sở đào tạo cần giảng dạy cả truyền thông chính niệm, kỹ năng sử dụng công nghệ trong khuôn khổ đạo hạnh, và hơn hết là dạy người tu biết khi nào nên nói và khi nào nên giữ im lặng, như trong Kinh Bát Đại Nhân Giác, đức Phật dạy: *"Ít muốn biết đủ, ly dục tịch tịnh."*

Trong thế giới đầy biến động và cám dỗ hiện nay, nếu không giữ vững giới luật, không nuôi dưỡng tâm tĩnh thức và không nhận thức rõ vai trò giáo hóa nhập thế, thì rất dễ rơi vào vòng xoáy danh tiếng, truyền thông ảo và sự phân hóa nội bộ.

Giới trẻ tu học cần thấm nhuần tinh thần *"lục hòa"*, học hỏi nội điển một cách hệ thống, đồng thời không xa rời nỗi khổ thực tế của nhân gian.

Một Tăng sĩ hiện đại cần không chỉ là người trì tụng, mà còn là người biết lắng nghe, biết nói năng đúng mực, biết viết bài, biết tổ chức đời sống tu hành hài hòa giữa truyền thống và xã hội mới.

Chiến lược giáo dục tăng, ni trẻ trong bối cảnh truyền thông và toàn cầu hóa

Trong bối cảnh công nghệ truyền thông lan rộng như hiện nay, Phật giáo đứng trước một cơ hội lớn để truyền tải chính pháp nhanh chóng, rộng rãi, nhưng đồng thời cũng phải đối diện với nhiều nguy cơ. Việc sử dụng mạng xã hội, các nền tảng video, tik tok, podcast hay hội thảo trực tuyến có thể giúp Phật giáo tiếp cận hàng triệu người một lúc. Tuy nhiên, nếu thiếu sự hướng dẫn và huấn luyện chính quy, tăng, ni trẻ dễ bị cuốn vào văn hóa *"gây chú ý"*, làm truyền thông vì danh vọng cá nhân hơn là vì tâm Bồ đề chân thật.

Vì vậy, các trường Phật học căn bản cần đổi mới chương trình đào tạo, kết hợp giữa tu tập truyền thống và kỹ năng truyền thông ứng dụng. Điều này không có nghĩa là đưa công nghệ thay thế tu hành, mà là sử dụng công nghệ như một phương tiện khéo léo (upāya) để làm sáng tỏ con đường giải thoát. Tăng Ni cần được học kỹ năng viết bài Phật học, xây dựng nội dung truyền thông chính niệm, tổ chức buổi giảng pháp trực tuyến, cũng như tiếp cận các công cụ sáng tạo nội dung với tinh thần giới – định – tuệ.

Mặt khác, các trường Phật học cần đề cao mô hình giáo dục toàn diện, nơi tăng ni không chỉ học lý thuyết mà còn thực hành tại cơ sở xã hội, tu viện, trường học hoặc bệnh viện. Điều này giúp họ giữ vững lý tưởng xuất gia nhưng vẫn thấm nhuần tinh thần nhập thế. Ngoài ra, việc giảng dạy Phật học bằng song

ngữ (Việt – Anh, hoặc Việt – Trung) là cần thiết để tăng, ni Việt Nam có thể hội nhập quốc tế, chia sẻ chính pháp đến cộng đồng toàn cầu một cách sâu sắc và bài bản.

Kết luận

Từ vai trò quốc đạo thời Lý – Trần đến các giai đoạn pháp nạn trong lịch sử, Phật giáo Việt Nam đã không ngừng chuyển hóa để tồn tại và phát triển. Mỗi giai đoạn đều để lại một dấu ấn lịch sử có giá trị như những lời cảnh tỉnh và định hướng.

Pháp nạn trong lịch sử Phật giáo không chỉ là dấu mốc đau thương mà còn là lời cảnh tỉnh quý báu cho mỗi người con Phật hôm nay. Phong trào chấn hưng Phật giáo từ thế kỷ XX cho thấy một chân lý đơn giản nhưng sâu sắc: Phật giáo chỉ có thể hưng thịnh khi người tu hành trở về với chính pháp. Trong thời đại đầy biến động, nơi đạo – đời dễ hòa lẫn, thì sự phản tỉnh trở thành điều kiện tiên quyết để người tu khỏi lạc đường. Chỉ khi tăng, ni trẻ biết nhìn lại mình qua tấm gương lịch sử, biết giữ gìn nội lực tu học, và biết hành xử giữa đời bằng tâm vô nhiễm, thì lúc đó, chấn hưng không còn là sự kiện của quá khứ, mà trở thành hành động sống động giữa hiện tại.

Trong thời đại truyền thông và toàn cầu hóa hiện nay, trách nhiệm lớn lao đặt trên vai tăng, ni trẻ, những người cần vững chãi trong giới luật, sâu sắc trong nội điển, và thành thạo trong phương tiện. Để làm được điều đó, Phật giáo cần đầu tư nghiêm túc vào mô hình giáo dục hiện đại, nơi mà truyền thống không bị đánh mất, mà được làm sống dậy bằng trí tuệ và tình thương trong từng bước đi giữa đời thường.

Tài liệu tham khảo:

1. Trần Văn Giáp (1962). Tìm hiểu kho sách Hán Nôm Việt Nam – Phật học tùng thư. Hà Nội: NXB KHXH.
2. Thích Nguyên Hùng biên soạn (2014), Tổng Quan Bốn Bộ A Hàm, Toát Yếu Kinh Trung A - Hàm, Hồng Đức, Hà Nội.
3. Nguyễn Lang (2000). Việt Nam Phật giáo sử luận (3 tập). NXB Văn Học.
4. Thích Nhất Hạnh (2001). Đạo Phật ngày nay. NXB Lá Bối.
5. Thích Thanh Từ (1998). Chấn hưng Phật giáo Việt Nam. NXB Tôn Giáo.
6. Thích Trí Quang (2006). Hồi ký. Nhà xuất bản Văn Nghệ.

7. Taylor, P (2007), *Modernity and Re-enchantment: Religion in Post-revolutionary Vietnam*. Singapore: ISEAS Publishing.
8. McHale, S (2004). *Print and Power: Confucianism, Communism and Buddhism in the Making of Modern Vietnam*. University of Hawaii Press.
9. Queen, C. S., & King, S. B (1996). *Engaged Buddhism: Buddhist Liberation Movements in Asia*. State University of New York Press.
10. 聖嚴 (Sheng Yen) (2001).*禪淨雙修* [Toàn tập Pháp Cổ Sơn]. 台北 : 新雨出版社 .